

Số: **03** /2022/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày **07** tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý và khai thác vận tải hành khách  
công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 165/TTr-SGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- BTT UBMTTQVN tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng: QH-XD (Đ05/01);
- Lưu: VT, Ktr09/01.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**



**QUY ĐỊNH**  
**Quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**  
**trên địa bàn tỉnh Cà Mau**  
(Kèm theo Quyết định số 03 /2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định quản lý, khai thác; tổ chức đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đăng ký tham gia đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Chương II**  
**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**  
**CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT**

**Điều 3. Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

2. Ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm h khoản 4 Điều 18 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và khoản 2.5 Mục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia “Các công trình hạ tầng kỹ thuật. Công trình giao thông” QCVN 07-4:2016/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

### 3. Quy định điểm dừng xe buýt

Điểm dừng xe buýt là khu vực dành riêng cho xe buýt dừng đón, trả khách được báo hiệu bằng biển báo, vạch sơn kẻ đường quy định tại vạch số 9.2 và biển số I.434a theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT. Các loại phương tiện khác và người đi bộ không được dừng trong phạm vi kẻ vạch và trong khoảng cách 15 (mười lăm) mét từ vị trí vạch về hai phía theo phương dọc của đường.

4. Việc di dời điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt chỉ được thực hiện trong trường hợp để sửa chữa, mở rộng đường giao thông hoặc có sự thay đổi về tổ chức giao thông, sự thay đổi về lộ trình hoạt động của tuyến xe buýt làm cho điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt bị mất tác dụng hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Trên các tuyến quốc lộ, khi lắp đặt biển báo điểm dừng, nhà chờ xe buýt, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi cơ quan quản lý tuyến quốc lộ để thống nhất trước khi thực hiện.

### **Điều 4. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động**

1. Hệ thống điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, biển báo, nhà chờ xe buýt được đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn quy định; nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn khác hoặc từ nguồn vốn xã hội hóa.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý và duy trì hệ thống điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, biển báo, nhà chờ phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 5. Thời gian hoạt động trong ngày của xe buýt**

1. Thời gian xe buýt hoạt động trong ngày của từng tuyến được xác định trên cơ sở đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân nơi có tuyến xe buýt đi qua, nhưng không ít hơn 12 (mười hai) giờ/ngày.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã căn cứ vào phương án khai thác tuyến đã đăng ký, biểu đồ chạy xe được duyệt để bố trí đúng thời gian hoạt động của tuyến, đúng loại xe đăng ký; hoạt động đúng lộ trình; đảm bảo xe buýt chạy đúng giờ, đúng khoảng cách về thời gian giữa các xe; dừng xe, đỗ xe đúng điểm dừng, nhà chờ trên tuyến.

### **Điều 6. Phương tiện vận chuyển**

#### 1. Tiêu chuẩn xe buýt

a) Xe buýt hoạt động trên tuyến phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP; khoản 2, khoản 3 Điều 29 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố QCVN 10:2015/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Xe buýt hoạt động trên cùng một tuyến phải có màu sơn thống nhất và phải đăng ký với Sở Giao thông vận tải về màu sơn của xe buýt trước khi đưa xe vào hoạt động.

c) Xe buýt phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và camera giám sát trên xe đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

## 2. Niêm yết thông tin

### a) Niêm yết bên ngoài xe

Phía trên kính trước và sau xe: số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến, điểm đầu, điểm cuối của tuyến; chiều cao chữ tối thiểu là 06 (sáu) cm;

Hai bên thành xe: số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến, giá vé và số điện thoại của doanh nghiệp, hợp tác xã với kích thước tối thiểu như sau: chiều dài là 20 (hai mươi) cm, chiều rộng là 20 (hai mươi) cm.

### b) Niêm yết bên trong xe

Biển số đăng ký xe, số hiệu tuyến hoặc mã số tuyến; sơ đồ vị trí điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng dọc tuyến; giá vé theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; số điện thoại di động đường dây nóng của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải và Sở Giao thông vận tải; trách nhiệm của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và hành khách.

Bên trong xe có bảng hướng dẫn về an toàn giao thông và thoát hiểm ở vị trí hành khách dễ quan sát, hướng dẫn cài dây an toàn (nếu có); hướng dẫn sắp xếp hành lý; biển cấm hút thuốc lá trên xe; hướng dẫn cách sử dụng bình cứu hỏa, búa thoát hiểm và hướng thoát hiểm khi xảy ra sự cố.

3. Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 32 Luật Quảng cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nội dung quảng cáo phải đảm bảo yếu tố thẩm mỹ, phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán người Việt Nam.

## **Điều 7. Số hiệu tuyến xe buýt**

1. Sở Giao thông vận tải thống nhất công bố số hiệu của từng tuyến xe buýt hoạt động trong địa bàn tỉnh, đảm bảo không trùng lặp và dễ nhận diện.

2. Số hiệu tuyến xe buýt giữa các tỉnh do Sở Giao thông vận tải có tuyến xe buýt đi qua thỏa thuận, thống nhất công bố.

## **Điều 8. Vé xe buýt**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến tự phát hành vé xe buýt theo phương án giá vé được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã được phát hành nhiều loại vé khác nhau (nhưng không được vượt mức giá vé đã được phê duyệt) để khuyến khích nhu cầu sử dụng xe buýt thường xuyên của người dân như: vé đi trong thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt; vé có miễn, giảm riêng cho từng đối tượng đi xe...

3. Giá vé xe buýt được niêm yết công khai tại nhà chờ và trên xe buýt, kể cả giá vé cho các đối tượng được miễn, giảm như: học sinh, sinh viên, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công và các đối tượng chính sách khác.

### **Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt**

#### 1. Lái xe buýt

a) Có Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy trình đảm bảo an toàn giao thông của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông cho người lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, được cấp thẻ nhận dạng lái xe theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

c) Thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của người lái xe theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

#### 2. Nhân viên phục vụ trên xe buýt

a) Phải đảm bảo các điều kiện về sức khỏe, độ tuổi lao động theo quy định hiện hành.

b) Đã hoàn thành lớp tập huấn về nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 16 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

c) Thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của nhân viên phục vụ trên xe theo quy định tại Điều 36 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

d) Doanh nghiệp, hợp tác xã sắp xếp, bố trí số lượng nhân viên phục vụ trên xe buýt phù hợp với yêu cầu hoạt động thực tế trên mỗi tuyến, đảm bảo tối thiểu có 01 (một) nhân viên phục vụ trên mỗi chuyến xe.

## **Chương III**

### **LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT**

#### **Điều 10. Điều kiện tham gia khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Các tuyến xe buýt phải nằm trong danh mục mạng lưới tuyến xe buýt được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trúng thầu, đặt hàng khai thác tuyến theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

## **Điều 11. Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến**

1. Đặt hàng, đấu thầu đối với các tuyến xe buýt được cơ quan có thẩm quyền quyết định trợ giá

a) Việc đặt hàng khai thác các tuyến xe buýt chỉ thực hiện khi đáp ứng các quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

b) Sở Giao thông vận tải thực hiện trình tự, thủ tục đặt hàng hoặc đấu thầu khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Đặt hàng, đấu thầu khai thác tuyến xe buýt không có trợ giá

a) Thực hiện đặt hàng hoặc đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Sở Giao thông vận tải xây dựng tiêu chí đấu thầu, đặt hàng lựa chọn đơn vị khai thác tuyến để đánh giá về năng lực kỹ thuật và điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Hợp đồng khai thác tuyến

Sở Giao thông vận tải ký hợp đồng khai thác tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu, đặt hàng với thời hạn không quá 10 (mười) năm. Hợp đồng phải thể hiện phương án khai thác tuyến bao gồm các nội dung chủ yếu: tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

## **Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung hợp đồng khai thác tuyến**

1. Điều chỉnh phương án khai thác tuyến

a) Đối với tuyến nội tỉnh: Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe khi có sự thay đổi về tổ chức giao thông hoặc trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác tuyến phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế tại từng thời điểm hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

b) Đối với tuyến xe buýt liên tỉnh: Sở Giao thông vận tải nơi doanh nghiệp, hợp tác xã đặt trụ sở chính, chi nhánh quyết định điều chỉnh biểu đồ, hành trình chạy xe khi có văn bản thống nhất của Sở Giao thông vận tải đầu tuyến còn lại.

c) Sở Giao thông vận tải và doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến xe buýt thực hiện ký, đóng dấu xác nhận vào phương án khai thác mới. Phương án khai thác mới được xem là một phần của hợp đồng khai thác tuyến.

2. Bổ sung xe, thay thế xe buýt

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã được thay thế hoặc bổ sung thêm xe khai thác trên tuyến. Xe được đưa vào hoạt động trên tuyến phải đảm bảo đủ các điều kiện theo hợp đồng đã ký kết.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã phải thông báo đến Sở Giao thông vận tải các nội dung liên quan đến việc thay thế hoặc bổ sung xe và được Sở Giao thông vận tải chấp thuận bằng văn bản trước khi đưa xe mới vào hoạt động.

### **Điều 13. Thu hồi quyền khai thác tuyến**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến xe buýt bị thu hồi quyền khai thác tuyến trong các trường hợp sau:

a) Bị thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản thông báo ngừng khai thác tuyến theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

c) Không thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng khai thác tuyến đã ký kết quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở và yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục.

d) Không chấp hành sự phân công, điều động của các cơ quan có thẩm quyền trong các tình huống khẩn cấp như phòng chống thiên tai, bão lụt, cứu hộ, cứu nạn.

2. Sở Giao thông vận tải căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác có liên quan ban hành Quyết định thu hồi quyền khai thác tuyến theo quy định.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi quyền khai thác tuyến không được tham gia đấu thầu, đặt hàng khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 01 (một) năm.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

#### **Điều 14. Sở Giao thông vận tải**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

a) Quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch danh mục mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

b) Các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách đi lại bằng xe buýt và doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh đối với các tuyến có trợ giá.

2. Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của kết cấu hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; quyết định chọn mẫu trạm dừng, nhà chờ; tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền về việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động.

3. Thống nhất với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quyết định phê duyệt biểu đồ chạy xe trên các tuyến xe buýt; mở, ngừng hoạt động, điều chỉnh biểu đồ, hành trình, tần suất chạy xe đối với các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện đấu thầu, đặt hàng lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến; ký hợp đồng khai thác tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu, đặt hàng; tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của doanh nghiệp, hợp tác xã theo hợp đồng khai thác tuyến đã ký kết.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện bố trí điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt; điểm dừng, nhà chờ đối với tuyến xe buýt mở mới và điều chỉnh, bổ sung đối với các tuyến xe buýt đang hoạt động trong trường hợp thay đổi về tổ chức giao thông, thay đổi về lộ trình hoạt động hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

7. Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh xây dựng, đăng ký lại phương án hoạt động trên tuyến; thực hiện ký hợp đồng khai thác tuyến đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu tiếp tục tham gia khai thác tuyến xe buýt với thời hạn không quá 10 (mười) năm.

8. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền; thường xuyên phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra, xử lý theo chuyên đề đối với các vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

#### **Điều 15. Sở Tài chính**

1. Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc đề xuất dự toán ngân sách hàng năm để bảo dưỡng, bảo trì kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được đầu tư bằng ngân sách nhà nước.

#### **Điều 16. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khuyến khích phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 17. Công an tỉnh**

1. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp xe buýt vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông thường xuyên phối hợp với lực lượng Thanh tra giao thông tổ chức kiểm tra, xử lý theo chuyên đề đối với hoạt động của xe buýt như: chạy quá tốc độ; không đóng cửa lên xuống khi xe đang chạy; dừng, đỗ xe, đón trả khách không đúng nơi quy định; để người lên xuống xe khi đang chạy xe; không chấp hành tín hiệu đèn; tránh, vượt không đúng quy định; xe chạy không đúng tuyến đường, lộ trình và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

3. Kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải về các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để nhắc nhở, chấn chỉnh, xử lý theo thẩm quyền.

### **Điều 18. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau**

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và Quy định này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan và người dân tại địa phương.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thuộc địa bàn huyện và thành phố.

3. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, thống nhất với Sở Giao thông vận tải vị trí bố trí, lắp đặt các nhà chờ, biển báo điểm dừng xe buýt.

4. Thường xuyên rà soát, nắm bắt nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn để đề xuất, kiến nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, điều chỉnh hoạt động của xe buýt phù hợp với nhu cầu thực tế.

### **Điều 19. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã**

Doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

### **Điều 20. Trách nhiệm của hành khách đi xe buýt**

Hành khách đi xe buýt phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 21. Quy định chuyển tiếp**

Doanh nghiệp, hợp tác xã đang tham gia khai thác tuyến xe buýt trước ngày Quy định này có hiệu lực phải tiến hành xây dựng lại phương án hoạt động trên tuyến; thực hiện ký hợp đồng khai thác tuyến với Sở Giao thông vận tải trước ngày 01 tháng 3 năm 2022.

### **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Quy định này.

2. Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh triển khai Quy định này đến nhân viên, người lao động của đơn vị biết và chịu trách nhiệm thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh đến Sở Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.